

Số: 637/2017/BC-SHS

Hà Nội, ngày 01 tháng 08 năm 2017

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN  
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

**Kính gửi:** Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội Danh mục chứng khoán HNX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 07/2017 như sau:

| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong tháng | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong tháng | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 1   | ACB                                                 | CMS                                                             | TTB                                                              | ACB                                                  |
| 2   | BCC                                                 | MAS                                                             | TTH                                                              | BCC                                                  |
| 3   | BPC                                                 | SED                                                             | VGC                                                              | BPC                                                  |
| 4   | BTS                                                 | SJE                                                             | VIX                                                              | BTS                                                  |
| 5   | BVS                                                 | VNF                                                             | VMC                                                              | BVS                                                  |
| 6   | CAP                                                 | PLC                                                             |                                                                  | CAP                                                  |
| 7   | CEO                                                 | PVG                                                             |                                                                  | CEO                                                  |
| 8   | CMS                                                 | VDS                                                             |                                                                  | CPC                                                  |
| 9   | CPC                                                 |                                                                 |                                                                  | CTP                                                  |
| 10  | CTP                                                 |                                                                 |                                                                  | CVT                                                  |
| 11  | CVT                                                 |                                                                 |                                                                  | DAD                                                  |
| 12  | DAD                                                 |                                                                 |                                                                  | DAE                                                  |
| 13  | DAE                                                 |                                                                 |                                                                  | DBC                                                  |
| 14  | DBC                                                 |                                                                 |                                                                  | DBT                                                  |
| 15  | DBT                                                 |                                                                 |                                                                  | DCS                                                  |
| 16  | DCS                                                 |                                                                 |                                                                  | DGC                                                  |
| 17  | DGC                                                 |                                                                 |                                                                  | DGL                                                  |
| 18  | DGL                                                 |                                                                 |                                                                  | DHP                                                  |
| 19  | DHP                                                 |                                                                 |                                                                  | DHT                                                  |
| 20  | DHT                                                 |                                                                 |                                                                  | DNP                                                  |
| 21  | DNP                                                 |                                                                 |                                                                  | DNY                                                  |
| 22  | DNY                                                 |                                                                 |                                                                  | DP3                                                  |
| 23  | DP3                                                 |                                                                 |                                                                  | DST                                                  |
| 24  | DST                                                 |                                                                 |                                                                  | DXP                                                  |
| 25  | DXP                                                 |                                                                 |                                                                  | EBS                                                  |
| 26  | EBS                                                 |                                                                 |                                                                  | EID                                                  |
| 27  | EID                                                 |                                                                 |                                                                  | GMX                                                  |
| 28  | GMX                                                 |                                                                 |                                                                  | HCC                                                  |
| 29  | HCC                                                 |                                                                 |                                                                  | HDA                                                  |
| 30  | HDA                                                 |                                                                 |                                                                  | HHG                                                  |
| 31  | HHG                                                 |                                                                 |                                                                  | HJS                                                  |



| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong tháng | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong tháng | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 32  | HJS                                                 |                                                                 |                                                                  | HLC                                                  |
| 33  | HLC                                                 |                                                                 |                                                                  | HLD                                                  |
| 34  | HLD                                                 |                                                                 |                                                                  | HMH                                                  |
| 35  | HMH                                                 |                                                                 |                                                                  | HOM                                                  |
| 36  | HOM                                                 |                                                                 |                                                                  | HTC                                                  |
| 37  | HTC                                                 |                                                                 |                                                                  | HUT                                                  |
| 38  | HUT                                                 |                                                                 |                                                                  | HVT                                                  |
| 39  | HVT                                                 |                                                                 |                                                                  | ICG                                                  |
| 40  | ICG                                                 |                                                                 |                                                                  | IDV                                                  |
| 41  | IDV                                                 |                                                                 |                                                                  | INN                                                  |
| 42  | INN                                                 |                                                                 |                                                                  | ITQ                                                  |
| 43  | ITQ                                                 |                                                                 |                                                                  | KKC                                                  |
| 44  | KKC                                                 |                                                                 |                                                                  | KLF                                                  |
| 45  | KLF                                                 |                                                                 |                                                                  | KVC                                                  |
| 46  | KVC                                                 |                                                                 |                                                                  | L14                                                  |
| 47  | L14                                                 |                                                                 |                                                                  | L61                                                  |
| 48  | L61                                                 |                                                                 |                                                                  | LAS                                                  |
| 49  | LAS                                                 |                                                                 |                                                                  | LDP                                                  |
| 50  | LDP                                                 |                                                                 |                                                                  | LHC                                                  |
| 51  | LHC                                                 |                                                                 |                                                                  | LIG                                                  |
| 52  | LIG                                                 |                                                                 |                                                                  | MAC                                                  |
| 53  | MAC                                                 |                                                                 |                                                                  | MBS                                                  |
| 54  | MAS                                                 |                                                                 |                                                                  | MCC                                                  |
| 55  | MBS                                                 |                                                                 |                                                                  | MPT                                                  |
| 56  | MCC                                                 |                                                                 |                                                                  | NBC                                                  |
| 57  | MPT                                                 |                                                                 |                                                                  | NDN                                                  |
| 58  | NBC                                                 |                                                                 |                                                                  | NDX                                                  |
| 59  | NDN                                                 |                                                                 |                                                                  | NET                                                  |
| 60  | NDX                                                 |                                                                 |                                                                  | NHA                                                  |
| 61  | NET                                                 |                                                                 |                                                                  | NHP                                                  |
| 62  | NHA                                                 |                                                                 |                                                                  | NTP                                                  |
| 63  | NHP                                                 |                                                                 |                                                                  | ONE                                                  |
| 64  | NTP                                                 |                                                                 |                                                                  | PBP                                                  |
| 65  | ONE                                                 |                                                                 |                                                                  | PCE                                                  |
| 66  | PBP                                                 |                                                                 |                                                                  | PCT                                                  |
| 67  | PCE                                                 |                                                                 |                                                                  | PDB                                                  |
| 68  | PCT                                                 |                                                                 |                                                                  | PHC                                                  |
| 69  | PDB                                                 |                                                                 |                                                                  | PIV                                                  |
| 70  | PHC                                                 |                                                                 |                                                                  | PMC                                                  |
| 71  | PIV                                                 |                                                                 |                                                                  | PMP                                                  |
| 72  | PLC                                                 |                                                                 |                                                                  | PMS                                                  |
| 73  | PMC                                                 |                                                                 |                                                                  | PPS                                                  |
| 74  | PMP                                                 |                                                                 |                                                                  | PSD                                                  |
| 75  | PMS                                                 |                                                                 |                                                                  | PSE                                                  |
| 76  | PPS                                                 |                                                                 |                                                                  | PTI                                                  |



| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong tháng | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong tháng | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 77  | PSD                                                 |                                                                 |                                                                  | PVE                                                  |
| 78  | PSE                                                 |                                                                 |                                                                  | PVI                                                  |
| 79  | PTI                                                 |                                                                 |                                                                  | PVS                                                  |
| 80  | PVE                                                 |                                                                 |                                                                  | QHD                                                  |
| 81  | PVG                                                 |                                                                 |                                                                  | QTC                                                  |
| 82  | PVI                                                 |                                                                 |                                                                  | RCL                                                  |
| 83  | PVS                                                 |                                                                 |                                                                  | S55                                                  |
| 84  | QHD                                                 |                                                                 |                                                                  | S99                                                  |
| 85  | QTC                                                 |                                                                 |                                                                  | SD2                                                  |
| 86  | RCL                                                 |                                                                 |                                                                  | SD4                                                  |
| 87  | S55                                                 |                                                                 |                                                                  | SD5                                                  |
| 88  | S99                                                 |                                                                 |                                                                  | SD6                                                  |
| 89  | SD2                                                 |                                                                 |                                                                  | SD9                                                  |
| 90  | SD4                                                 |                                                                 |                                                                  | SDP                                                  |
| 91  | SD5                                                 |                                                                 |                                                                  | SDT                                                  |
| 92  | SD6                                                 |                                                                 |                                                                  | SEB                                                  |
| 93  | SD9                                                 |                                                                 |                                                                  | SGC                                                  |
| 94  | SDP                                                 |                                                                 |                                                                  | SHB                                                  |
| 95  | SDT                                                 |                                                                 |                                                                  | SHN                                                  |
| 96  | SEB                                                 |                                                                 |                                                                  | SLS                                                  |
| 97  | SED                                                 |                                                                 |                                                                  | SPP                                                  |
| 98  | SGC                                                 |                                                                 |                                                                  | SSM                                                  |
| 99  | SHB                                                 |                                                                 |                                                                  | TA9                                                  |
| 100 | SHN                                                 |                                                                 |                                                                  | TC6                                                  |
| 101 | SJE                                                 |                                                                 |                                                                  | TDN                                                  |
| 102 | SLS                                                 |                                                                 |                                                                  | TEG                                                  |
| 103 | SPP                                                 |                                                                 |                                                                  | THT                                                  |
| 104 | SSM                                                 |                                                                 |                                                                  | TIG                                                  |
| 105 | TA9                                                 |                                                                 |                                                                  | TJC                                                  |
| 106 | TC6                                                 |                                                                 |                                                                  | TKC                                                  |
| 107 | TDN                                                 |                                                                 |                                                                  | TNG                                                  |
| 108 | TEG                                                 |                                                                 |                                                                  | TPP                                                  |
| 109 | THT                                                 |                                                                 |                                                                  | TTB                                                  |
| 110 | TIG                                                 |                                                                 |                                                                  | TTC                                                  |
| 111 | TJC                                                 |                                                                 |                                                                  | TTH                                                  |
| 112 | TKC                                                 |                                                                 |                                                                  | TV2                                                  |
| 113 | TNG                                                 |                                                                 |                                                                  | TVC                                                  |
| 114 | TPP                                                 |                                                                 |                                                                  | V12                                                  |
| 115 | TTC                                                 |                                                                 |                                                                  | VC2                                                  |
| 116 | TV2                                                 |                                                                 |                                                                  | VC3                                                  |
| 117 | TVC                                                 |                                                                 |                                                                  | VC7                                                  |
| 118 | V12                                                 |                                                                 |                                                                  | VCC                                                  |
| 119 | VC2                                                 |                                                                 |                                                                  | VCG                                                  |
| 120 | VC3                                                 |                                                                 |                                                                  | VCS                                                  |
| 121 | VC7                                                 |                                                                 |                                                                  | VGC                                                  |

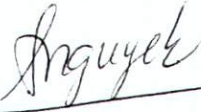
| STT | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu tháng | Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong tháng | Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong tháng | Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối tháng |
|-----|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| 122 | VCC                                                 |                                                                 |                                                                  | VGP                                                  |
| 123 | VCG                                                 |                                                                 |                                                                  | VGS                                                  |
| 124 | VCS                                                 |                                                                 |                                                                  | VIT                                                  |
| 125 | VDS                                                 |                                                                 |                                                                  | VIX                                                  |
| 126 | VGP                                                 |                                                                 |                                                                  | VMC                                                  |
| 127 | VGS                                                 |                                                                 |                                                                  | VMI                                                  |
| 128 | VIT                                                 |                                                                 |                                                                  | VNC                                                  |
| 129 | VMI                                                 |                                                                 |                                                                  | VND                                                  |
| 130 | VNC                                                 |                                                                 |                                                                  | VNR                                                  |
| 131 | VND                                                 |                                                                 |                                                                  | VNT                                                  |
| 132 | VNF                                                 |                                                                 |                                                                  | VTH                                                  |
| 133 | VNR                                                 |                                                                 |                                                                  | VTV                                                  |
| 134 | VNT                                                 |                                                                 |                                                                  | WCS                                                  |
| 135 | VTH                                                 |                                                                 |                                                                  | WSS                                                  |
| 136 | VTV                                                 |                                                                 |                                                                  |                                                      |
| 137 | WCS                                                 |                                                                 |                                                                  |                                                      |
| 138 | WSS                                                 |                                                                 |                                                                  |                                                      |

Địa chỉ website đăng tải Danh mục chứng khoán HNX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS tháng 07/2017 là <http://www.shs.com.vn>.

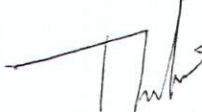
Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Người lập

  
Đoàn Thị Ánh Nguyệt

Kiểm soát

  
Ngô Thế Hiển



TỔNG GIÁM ĐỐC

  
Vũ Đức Tiến

C. P. N. O. I.